

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả bán đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu
quy hoạch xã Bàu Cạn, xã Thăng Hưng, xã Ia Lâu huyện
Chư Prông, tỉnh Gia Lai; huyện Chư Prông**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Gia
Lai về việc ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản và Nghị
định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật;*

*Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai
về việc ban hành quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao
đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

*Xét Tờ trình số 527/TTr-TNMT ngày 21/12/2020 của Phòng Tài nguyên và
Môi trường,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020 tại khu
quy hoạch thuộc các xã Bàu Cạn, Thăng Hưng, Ia Lâu cụ thể như sau:

T T	Khu vực	Số lô	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Giá trúng đấu giá (đồng)	Chênh lệch tăng (đồng)
1	Khu quy hoạch thôn Đồng Tâm, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông	20	4.929,2	5.484.151.800	5.723.405.000	239.253.200
2	Khu quy hoạch thôn Đoàn Kết, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông	09	1781,1	1.965.860.150	2.560.100.000	594.239.850

3	Khu quy hoạch trung tâm xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông	28	5.718,72	5.833.094.400	6.900.400.000	1.067.305.600
4	Khu quy hoạch chợ xã Ia Lâu, huyện Chư Prông	01	108	96.228.000	220.000.000	123.772.000
	Tổng cộng	58 lô	12.537,02	13.379.334.350	15.403.905.000	2.024.570.650

Điều 2. Căn cứ kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất được phê duyệt tại Điều 1 quyết định này tổ chức thực hiện như sau:

1. Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước theo quy chế ban hành tại cuộc bán đấu giá.

2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Chư Prông và các đơn vị liên quan tiến hành rà soát, tổng hợp danh sách các cá nhân trúng đấu giá đã nộp đủ tiền sử dụng đất, các khoản phí, lệ phí theo quy định, hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Chư Prông, Chủ tịch Hội đồng Phát triển quỹ đất và Giám sát việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, Giám đốc Kho bạc huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các Ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT-KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Tú

DANH SÁCH CÁ NHÂN TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU QUY HOẠCH
TRUNG TÂM XÃ THẮNG HƯNG, HUYỆN CHỦ PRÔNG

(Kèm theo Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông)

Số TT	Họ và tên	CMND	Địa chỉ	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm	Giá trúng đấu giá	Tiền đặt trước	Còn phải nộp
I. Đường Quốc Lộ 19, Khu A02									
1	Nguyễn Thị Thắng	230115979; CA Gia Lai cấp ngày 27/09/2013	Thôn 1, Thăng Hưng, Chư Prông, Gia Lai	4	200	204.000.000	330.000.000	30.600.000	299.400.000
2	Nguyễn Văn Thanh	211477898; CA Bình Định cấp ngày 15/4/2013	KV Nam Thành, Phước Hưng, tx An Nhơn, Bình Định	5	200	204.000.000	308.000.000	30.600.000	277.400.000
3	Phạm Văn Hưng	231216366 CA Gia Lai cấp ngày 29/3/2016	36/14 Lê Đại Hành - TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.	6	200	204.000.000	274.000.000	30.600.000	243.400.000
4	Phạm Văn Hưng	231216366 CA Gia Lai cấp ngày 29/3/2016	36/14 Lê Đại Hành - TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.	7	200	204.000.000	210.000.000	30.600.000	179.400.000
5	Trần Hạ Trường Giang	230576458; CA Gia Lai cấp ngày 17/4/2020	Thôn 2, Thăng Hưng, Chư Prông,	8	200	204.000.000	264.000.000	30.600.000	233.400.000
6	Nguyễn Đức Trường Sơn	230757569, CA Gia Lai cấp ngày 18/02/2016	Tân Lạc, Bình Giáo, Chư Prông, Gia Lai	9	200	204.000.000	216.000.000	30.600.000	185.400.000
II. Đường Quốc Lộ 19, Khu A03									
1	Trần Ngọc Hoàng	230518541; CA Gia Lai cấp ngày 14/08/2019	xã Ia Drăng, Chư Prông Gia Lai	6	200	204.000.000	210.000.000	30.600.000	179.400.000
2	Trần Ngọc Hoàng	230518541; CA Gia Lai cấp ngày 14/08/2019	xã Ia Drăng, Chư Prông Gia Lai	7	200	204.000.000	212.000.000	30.600.000	181.400.000
3	Trần Thị Thanh Sơn	230576452; CA Gia Lai cấp ngày 04/11/2014	Đông Hà, TT Chư Prông, Chư Prông, Gia Lai	8	200	204.000.000	260.000.000	30.600.000	229.400.000
4	Nguyễn Hữu Hùng	2304986261; CA Gia Lai cấp ngày 20/10/2010	Thôn 2, Thăng Hưng, Chư Prông, Gia Lai	9	200	204.000.000	265.000.000	30.600.000	234.400.000
5	Lưu Xuân Đức	230918738 CA Gia Lai cấp ngày 18/7/2008	Thôn 3, Thăng Hưng, Chư Prông, Gia Lai	10	200	204.000.000	294.000.000	30.600.000	263.400.000
6	Nguyễn Văn Cường	231034152; CA Gia Lai cấp ngày 19/10/2010	Thôn 2, Thăng Hưng, Chư Prông,	11	200	204.000.000	258.000.000	30.600.000	227.400.000

7	Nguyễn Thị Hạnh	230949166 CA Gia Lai cấp ngày 31/7/2009	TT Chư Prông, Chư Prông, tỉnh Gia Lai	12	200	204.000.000	255.000.000	30.600.000	224.400.000
8	Nguyễn Đình Hòa	231228804; nơi cấp: CA Gia Lai ngày 06/10/2016	Thôn 1, Thăng Hưng, Chư Prông, Gia Lai	13	200	204.000.000	248.000.000	30.600.000	217.400.000
9	Lê Sơn Hải	230564931; CA Gia Lai cấp ngày 27/03/2013	Thôn 2, Thăng Hưng, Chư Prông, Gia Lai	14	200	204.000.000	248.000.000	30.600.000	217.400.000
10	Lê Sơn Hải	230564931; CA Gia Lai cấp ngày 27/03/2013	Thôn 2, Thăng Hưng, Chư Prông, Gia Lai	15	200	204.000.000	258.000.000	30.600.000	227.400.000
11	Lê Sơn Hải	230564931; CA Gia Lai cấp ngày 27/03/2013	Thôn 2, Thăng Hưng, Chư Prông, Gia Lai	16	200	204.000.000	256.000.000	30.600.000	225.400.000
12	Huỳnh Ngọc Thu	231198999 CA Gia Lai cấp ngày 07/9/2015	Tổ 6, p. Phù Đồng, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai	17	200	204.000.000	208.000.000	30.600.000	177.400.000
13	Nguyễn Phước Dũng	230722158 CA Gia Lai cấp ngày 15/11/2019	Thôn 1, Thăng Hưng, Chư Prông, Gia Lai	18	200	204.000.000	208.000.000	30.600.000	177.400.000
14	Lê Minh Bằng	240388357 CA Đak Lak cấp ngày 18/8/2018	12/2A Nguyễn Văn Trỗi, TP Buôn Ma Thuột, Đak Lak.	19	209,41	213.598.200	242.000.000	32.039.730	209.960.270
15	Nguyễn Hưng Phát	285315901; nơi cấp: CA Bình Phước ngày 26/02/2018	thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước	20	217,66	222.013.200	226.100.000	33.301.980	192.798.020
16	Nguyễn Hưng Phát	285315901; nơi cấp: CA Bình Phước ngày 26/02/2018	thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước	21	217,62	221.972.400	226.000.000	33.295.860	192.704.140
17	Phạm Văn Hưng	231216366 CA Gia Lai cấp ngày 29/3/2016	36/14 Lê Đại Hành - TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.	22	217,66	222.013.200	226.100.000	33.301.980	192.798.020
18	Phạm Văn Hưng	231216366 CA Gia Lai cấp ngày 29/3/2016	36/14 Lê Đại Hành - TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.	23	217,66	222.013.200	226.100.000	33.301.980	192.798.020
19	Phạm Văn Hưng	231216366 CA Gia Lai cấp ngày 29/3/2016	36/14 Lê Đại Hành - TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.	24	217,66	222.013.200	226.100.000	33.301.980	192.798.020
20	Nguyễn Thị Ngọc Nhưng	231204067; CA Gia Lai cấp ngày 26/11/2013	Thôn Hòa Bình, Bàu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	25	217,62	221.972.400	246.000.000	33.295.860	212.704.140
21	Nguyễn Thị Ngọc Nhưng	231204067; CA Gia Lai cấp ngày 26/11/2013	Thôn Hòa Bình, Bàu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	26	203,43	207.498.600	240.000.000	31.124.790	208.875.210

22	Đoãn Thị Thanh Hoa	230282062 Ca Gia Lai cấp ngày 10/02/2020	08 Trần Phù, TT Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	27	200	204.000.000	260.000.000	30.600.000	229.400.000
Tổng cộng:				28 lô	5.718,72	5.833.094.400,0	6.900.400.000,0	874.964.160,0	6.025.435.840,0

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ĐS. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Tú

**DANH SÁCH TRÚNG ĐẦU GIÁ CÁC LÔ ĐẤT TẠI KHU QH CHI TIẾT XÂY DỰNG
ĐIỂM DÂN CƯ THÔN ĐOÀN KẾT, XÃ BÀU CẠN, HUYỆN CHƯ PRÔNG**

(Kèm theo Quyết định số 3295 QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông)

Số TT	Họ và tên	CMND	Địa chỉ, số điện thoại	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm	Giá trúng đấu giá	Tiền đặt trước	Còn phải nộp
Đường Quốc lộ 19									
1	Nguyễn Thị Xuyên	230361056; CA Gia Lai cấp ngày 07/09/2018	TDP 2, TT Chư Prông, Gia Lai	02	192,5	292.792.500	420.000.000	43.918.875	376.081.125
2	Hoàng Thị Thoa	231157869; CA Gia Lai ngày 18/03/2014	Đoàn Kết, Bầu Cạn, Chư Prông, Gia Lai 7	03	192,5	292.792.500	430.000.000	43.918.875	386.081.125
3	Đỗ Đức Thái	230974970; CA Gia Lai cấp ngày 19/11/2019	Thôn Tây Hồ, Bầu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	11	192,5	292.792.500	440.000.000	43.918.875	396.081.125
4	Lê Hữu Tín	230844613; CA Gia Lai cấp ngày 29/01/2013	Thôn Tây Hồ, Bầu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	12	192,5	292.792.500	455.000.000	43.918.875	411.081.125
Đường Quy hoạch A1									
1	Nguyễn Uy Vũ	230547426; CA Gia Lai cấp ngày 22/10/2013	Thôn Đoàn kết, Bầu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	30	144,7	113.806.550	117.000.000	17.070.983	99.929.018
2	Trần Thị Thu Hiền	230524110; CA Gia Lai cấp ngày 19/11/2019	Thôn Đồng Tâm, Bầu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	31	204,7	160.996.550	164.000.000	24.149.483	139.850.518
3	Trần Thị Thu Hiền	230524110; CA Gia Lai cấp ngày 19/11/2019	Thôn Đồng Tâm, Bầu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	32	206,8	162.648.200	169.000.000	24.397.230	144.602.770
4	Phan Đình Khiêm	2311057745 Ca Gia Lai cấp ngày 20/6/2017	la Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	39	226,4	178.063.600	181.100.000	26.709.540	154.390.460
5	Nguyễn Hoàng Thị Thủy Tiên	230844633; nơi cấp CA Gia Lai ngày 07/06/2007	Đoàn Kết, Bầu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	40	228,5	179.175.250	184.000.000	26.876.288	157.123.713
Tổng cộng					09 lô	1781,1	2.560.100.000	294.879.023	2.265.220.978

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH,

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Tú



DANH SÁCH TRÚNG ĐẦU GIÁ KHU QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CHỢ IA LĂU, XÃ IA LĂU HUYỆN CHƯ PRÔNG, GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông)

Số TT	Họ và tên người tham giá đầu giá	CMND	Địa chỉ, số điện thoại	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá đất khởi điểm Đồng/m ²	Tiền đặt trước	Giá trúng đầu giá	Tiền phải nộp
Đường quy hoạch D5 - Khu vực 2; vị trí 1									
1	Vũ Văn Đông	231079794; nơi cấp: CA Gia Lai ngày 20/3/2012	Xã Ia Lâu, Chư Prông, Gia Lai	A34	108,00	96.228.000	14.500.000	220000000,00	205500000,00
TỔNG CỘNG							14.500.000	220.000.000	205500000,00

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Vũ Tú

DANH SÁCH TRÚNG ĐẦU GIÁ KHU QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG THÔN ĐỒNG TÂM XÃ BÀU CẠN,
HUYỆN CHỦ PHONG, GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông)

[illegible]

Đường Quốc lộ 19

1	Nguyễn Thị Như Vân
---	--------------------

230723262; CA Gia Lai	xã Ia Bang, Chư PRông,
-----------------------	------------------------

04	302,7	414.093.600	430.100.000	62.114.040
				367.985.960

2	Hoàng Xuân Thủy
---	-----------------

cap ngày 18/8/2009	Thôn Ia Mua, Bàu Cạn, Chư Prông, Gia Lai
231169365; CA Gia Lai	
còn ngày 17/9/2014	

05	242,9	332.287.200	375.000.000	49.843.080	325.156.920
----	-------	-------------	-------------	------------	-------------

3	Đào Duy Tân
---	-------------

Cấp ngày 11/9/2014	Lai
142575740;CA Hải Đường cấp ngày	P Bình Hàn, Tp Hải

06	742 9	332 287 200	337 300 000	49 843 080	287 456 920
----	-------	-------------	-------------	------------	-------------

2	Đào Duy Huỳnh
---	---------------

Đương, tỉnh Hải Dương	Đương cấp ngày 04/12/2009
104 ngõ 678 La Thành,	001062017167, H.A.N.S.

[illegible]

4	Lê Đình Thắng
---	---------------

00106201 / 187; Hà Nội	Giang Võ, Ba Đình, Hà Nội
cấp ngày 19/2/2019	
730361056; nơi cấp:	

07	242,9	332.287,200	337.300,000	49.843,080	287.456,920

5	Nguyễn Thị Xuy
---	----------------

250501050, nơi cấp.	Thị trấn Chư Prông, Gia Lai
CA Gia Lai ngày 07/09/2018	
142575740-CA Hải	

08	242,9	332.287,200	358.000,000	49.843,080	308.156,920

6	Đào Duy Tuyên
---	---------------

1425/3740, CA Hai	Dương cấp ngày 04/12/2009	P Bình Hàn, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
-------------------	------------------------------	---

09	242,9	332.287,200	363.000,000	49.843,080	313.156,920
----	-------	-------------	-------------	------------	-------------

7 Lê Đình Thắng

001062017167; Hà Nội
cấp ngày 19/2/2019

10	242,9	332.287,200	358.000,000	49.843,080	308.156,920
----	-------	-------------	-------------	------------	-------------

8	Lê Đình Thắng
---	---------------

001062017167; Hà Nội	104 ngõ 678 La Thành, Giảng Võ, Ba Đình, Hà
----------------------	--

11	242,9	332.287,200	337.300,000	49.843,080	287.456,920
----	-------	-------------	-------------	------------	-------------

cap ngày 19/2/2019	Nội
142575740;CA Hải	P Bình Hàn, Tp Hải

Year	Number of people	Percentage of people	Percentage of people	Percentage of people
1990	1,000	100	100	100
1991	1,000	100	100	100
1992	1,000	100	100	100
1993	1,000	100	100	100
1994	1,000	100	100	100
1995	1,000	100	100	100
1996	1,000	100	100	100
1997	1,000	100	100	100
1998	1,000	100	100	100
1999	1,000	100	100	100
2000	1,000	100	100	100
2001	1,000	100	100	100
2002	1,000	100	100	100
2003	1,000	100	100	100
2004	1,000	100	100	100
2005	1,000	100	100	100
2006	1,000	100	100	100
2007	1,000	100	100	100
2008	1,000	100	100	100
2009	1,000	100	100	100
2010	1,000	100	100	100
2011	1,000	100	100	100
2012	1,000	100	100	100
2013	1,000	100	100	100
2014	1,000	100	100	100
2015	1,000	100	100	100
2016	1,000	100	100	100
2017	1,000	100	100	100
2018	1,000	100	100	100
2019	1,000	100	100	100
2020	1,000	100	100	100

9	Đào Duy Luyện
---	---------------

Dương cấp ngày 04/12/2009	Dương, tỉnh Hải Dương
	104 ngô 6781 aThành

12	242,9	332.287.200	337.300.000	49.843.080	287.456.920
----	-------	-------------	-------------	------------	-------------

10 Lê Đình Thắng

001062017167; Hà Nội
cấp ngày 19/2/2019

13	242,9	332.287.200	337.300.000	49.843.080	287.456.920
----	-------	-------------	-------------	------------	-------------

11	Lê Đình Thắng
----	---------------

Số TT	Họ và tên	CMND	Địa chỉ, số điện thoại	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm	Giá trúng đấu giá	Tiền Đặt trước	Còn phải nộp
1	Đặng Thị Bàn	231286380; CA Gia Lai cấp ngày 16/6/2016	Thôn Đồng Tâm, Bàu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	19	242,9	173.673.500	177.000.000	52.200.000	124.800.000
2	Nguyễn Thị Như Ván	230723262; CA Gia Lai cấp ngày 18/8/2009	xã Ia Bang, Chư Prông, tỉnh Gia Lai	22	242,9	173.673.500	177.000.000	26.051.025	150.948.975
3	Bùi Tố Như	230681528; CA Gia Lai cấp ngày 05/12/2017	xã Ia Bang, Chư Prông, tỉnh Gia Lai	23	242,9	173.673.500	177.000.000	26.051.025	150.948.975
4	Phạm Xuân Trường	231061434; CA Gia Lai cấp ngày 04/6/2012	Thôn Hàm Rồng, xã Ia Bông, Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	32	242,9	173.673.500	174.000.000	26.100.000	147.900.000
5	Đặng Trường Sanh	230527853; CA Gia Lai cấp ngày 22/11/2018	14 Cù Chính Lan, Tp Pleiku, Gia Lai	38	248	194.680.000	197.680.000	29.202.000	168.478.000
6	Đặng Trường Sanh	230527853; CA Gia Lai cấp ngày 22/11/2018	14 Cù Chính Lan, Tp Pleiku, Gia Lai	39	245	175.175.000	178.175.000	26.276.250	151.898.750
7	Trần Duy Quang	230679827; CA Gia Lai cấp ngày 31/10/2017	Thôn Đoàn Kết, Bàu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	55	245	175.175.000	178.175.000	26.300.000	151.875.000
8	Trần Duy Quang	230679827; CA Gia Lai cấp ngày 31/10/2017	Thôn Đoàn Kết, Bàu Cạn, Chư Prông, Gia Lai	56	245	175.175.000	178.175.000	26.300.000	151.875.000
TỔNG CỘNG					20 lô	5.484.151.800	5.723.405.000	848.868.220	4.874.536.780

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Tú

